

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina ngày 19 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 08/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina địa chỉ tại Nhà xưởng FA3-1, FA3-2, Lô 3, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina tại một phần nhà xưởng FA3 (Nhà xưởng kí hiệu là FA3-1 và FA3-2), Lô 3, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần nhà xưởng FA3 (Nhà xưởng kí hiệu là FA3-1 và FA3-2), Lô 3, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801411435 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần

đầu ngày 07/12/2023. Giấy chứng nhận đầu tư số 6506670632 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801411435.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất tấm nền pin năng lượng mặt trời (từ nhựa PET).

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 10.767,2m².

- Công suất: Sản xuất tấm nền pin năng lượng mặt trời (từ nhựa PET) với quy mô công suất: 26.000.000 m² sản phẩm/năm (tương đương 11.596.000 kg/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường đến ngày 01/11/2028.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- PCT TT UBND tỉnh Lưu Văn Bản;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp;
- UBND huyện Cẩm Giàng ;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND
ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tại các lô đã cho thuê nhà xưởng).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 11m³ (02 bể tự hoại 11 m³/bể) sau đó thoát ra hố ga đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng - Công ty TNHH Một thành viên Phát triển công nghiệp BW Hải Dương bằng đường ống DN300, chiều dài 25m.

Nước lau sàn, rửa tay chân từ các lavabo và phễu thu theo đường ống DN90 chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV triển công nghiệp BW Hải Dương.

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn của Khu công nghiệp sẽ được thu gom về Nhà máy xử lý nước thải của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

02 Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 11m³/bể.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thành lập đội vệ sinh thường xuyên thu gom rác thải để tránh gây tắc nghẽn dòng nước.
- Định kỳ nạo vét bùn, cát ở các đường ống để nước lưu thông tốt nhất.
- Định kỳ kiểm tra đường ống thoát nước, thay thế và sửa chữa kịp thời khi bị hỏng hóc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (do nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ toàn bộ nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sấy.
- Nguồn số 02: Hơi hữu cơ phát sinh tại phòng trộn mực.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý khí thải tương ứng với 02 nguồn phát sinh:

- 01 Dòng khí thải: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính (nguồn số 01 và 02);

- Tọa độ vị trí xả khí thải ((Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°): X(m) = 2314713; Y(m) = 526718).

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 35.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Gián đoạn - theo ca làm việc (8 giờ/ngày; 2 ca/ngày).

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN19:2009/BTNMT mức B với K_p = 0,9; K_v = 1,0); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	NO _x	mg/Nm ³	765		
5	Benzen	mg/Nm ³	5		
6	Toluen	mg/Nm ³	750		
7	Xylen	mg/Nm ³	870		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01 (Hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sấy) được thu gom bằng các ống hút tròn, kích thước D100 theo hệ thống đường ống thu hút khí thải D200-D300-D450-D600 về hệ thống xử lý khí.

- Nguồn số 02 (Hơi hữu cơ phát sinh từ phòng trộn mực) được thu gom qua chụp hút kích thước D x R = 2m x 1m theo hệ thống đường ống thu hút khí thải D300-D600 về hệ thống xử lý khí thải.

Khí thải phát sinh tại hai nguồn này sẽ được thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải, khí sạch sau đó thoát ra môi trường qua ống thoát khí bằng tôn mạ kẽm DN800; cao 10m tính từ chân ống thoát khí tới điểm xả (dòng khí thải số 01).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 01 và nguồn số 02): 01 hệ thống.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hữu cơ khu vực sấy, phòng trộn mực → Quạt hút → Bộ lọc khô → Tháp hấp phụ → Ống thoát khí → Môi trường.

- Thông số kỹ thuật:

+ Chụp hút (thu hút khí thải phòng trộn mực): 01 chiếc; kích thước: dài x rộng = 2000 x 1000 (mm); vật liệu bằng tôn mạ kẽm chịu nhiệt.

+ Ống hút tròn (thu hút khí thải khu vực sấy): 30 chiếc; kích thước đường kính D100; vật liệu bằng ống mềm silicon chịu nhiệt.

+ Tháp hấp phụ than hoạt tính: 03 chiếc, hình trụ, vỏ tháp làm bằng vật liệu thép chịu nhiệt; kích thước: đường kính x chiều cao = Ø2000 x 3326 mm; Các tháp hoạt động luân phiên, quá trình hấp phụ diễn ra lần lượt tại từng tháp.

+ Bộ lọc khô: 01 thiết bị, kích thước dài x rộng x cao = 2500 x 2017 x 1915 (mm); vật liệu thép chịu nhiệt.

+ Quạt hút khí thải: 01 chiếc; công suất thiết kế 35000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (Tổng khối lượng sử dụng: 4000 kg/năm; tần suất bổ sung thay mới 1 năm/lần)

1.2.2. Hệ thống giải hấp phụ (hoàn nguyên) than hoạt tính

Tóm tắt quy trình: Thiết bị lọc xúc tác (Bộ phận gia nhiệt) → Quạt phụ giải hấp → Tháp hấp phụ (giải hấp phụ than hoạt tính) → Thiết bị lọc xúc tác (Bộ phận đốt xúc tác - phân hủy hơi hữu cơ) → Ống thoát khí.

- Thông số kỹ thuật:

+ Thiết bị lọc xúc tác: 01 thiết bị, kích thước dài x rộng x cao = 1410 x 1350 x 2100 (mm); vật liệu thép chịu nhiệt; thiết bị lọc xúc tác gồm hai bộ phận:

bộ phận gia nhiệt (tạo hơi nóng) và bộ phận đốt xúc tác (phân hủy khí thải dựa trên nhiệt độ, chất xúc tác là các kim loại quý trên thành thiết bị).

+ Quạt phụ giải hấp: 01 chiếc; công suất thiết kế: 3.500 m³/h; phụ trợ quá trình giải hấp phụ - hoàn nguyên than hoạt tính.

+ Chất xúc tác: Kim loại quý được tráng phủ trên thành thiết bị.

+ Tần suất hoàn nguyên: Khi than hoạt tính bão hòa, sẽ ngừng quá trình hấp phụ và tiến hành giải hấp phụ, hoàn nguyên than hoạt tính. Trung bình 1 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

01 Hệ thống xử lý khí thải công suất xử lý 35.000 m³/h.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tôi đa 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 01 vị trí xả thải, ống khói sau hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Công ty TNHH Advanced Material Evergreen Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động giao thông ra vào nhà máy.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động sản xuất.
- Nguồn số 03: Hoạt động xử lý khí thải.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực công nhà máy	2315552	570172
2	Khu vực sản xuất (Khu vực sấy)	2315500	570145
3	Khu xử lý khí thải	2315463	570131
4	Máy phát điện	2315465	570113

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất	Rắn	18 02 01	400
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	60
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	60
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 03	20
5	Dung môi thải rửa lưới in	Lỏng	03 02 03	4.224
6	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	100
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	783
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa TPNH	Rắn	18 01 03	600
9	Các cặn dung môi thải khác (Bao gồm mực in và các hóa chất sử dụng trong quá trình in)	Lỏng	08 03 12	172,95
10	Vật liệu hấp phụ (Than hoạt tính)	Rắn/bùn	18 02 01	4.000
11	Linh kiện điện, điện tử thải bỏ từ quá trình sửa chữa, thay thế các linh kiện máy tính, máy in văn phòng	Rắn	16 01 13	24
Tổng				10.443,95

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bao bì nhựa, Nilon	Rắn	15 01 02	100
2	Nhựa PET	Rắn	07 02 13	404.000
3	Bao bì gỗ (pallet hỏng,...)	Rắn	15 01 03	12.000

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
4	Giấy và bao bì giấy cartong	Rắn	18 01 05	300
Tổng				416.400

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 13,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, được dán tên, mã CTNH với dung tích 30-200 lít/thùng.

2.1.2. *Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có cửa ra vào, dự án được trang bị PCCC, được dán nhãn và bảng cảnh báo nguy hiểm theo quy định; các thùng có biển cảnh báo, tên từng loại chất thải, dán mã CTNH theo danh sách CTNH.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: Chất thải được thu gom, tập kết về khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*: Diện tích 22 m².

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240-330 lít/thùng.

2.2.2. *Kho lưu chứa*: Kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt 16 m²

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14/GPMT-UBND
ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.